

Bản án số: 37/2024/HS-ST

Ngày: 03-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Quế

Thẩm phán: Ông Hồ Minh Tấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Đông

Ông Dương Thành Công

Ông Hoàng Anh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Vũ Phong, là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau.**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Quách Xía Muội - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ L4 số 15/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Lê Thị Nh, sinh năm 1966 tại Vĩnh Phong, Vĩnh Thuận, Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn L và bà Nguyễn Thị B (đã chết); chồng (chồng thứ nhất tên Lê Văn Q (đã chết), chồng thứ hai tên Lê Chí T) và có 05 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Lê Huỳnh Ni của Công ty Luật TNHH MTV Tô Văn Chánh thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau. Luật sư có mặt.

- Bị hại, gồm có:

1. Bà Phan Thị T1, sinh năm 1966 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

2. Ông Nguyễn Mộng L1, sinh năm 1973 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

3. Bà Đỗ Kim L2, sinh năm 1940 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm N, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau

4. Bà Nghị Th11 B1, sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp G, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

5. Bà Võ Thị, sinh năm 1977 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 4, xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

6. Bà Nguyễn Cẩm Tú, sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 2, xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

7. Bà Hà Thị Ph, sinh năm 1963 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp K, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
8. Bà Võ Kim L4, sinh năm 1964 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
9. Ông Lê Văn T1, sinh năm 1973 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp D, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
10. Ông Ngô Văn B2, sinh năm 1963 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
11. Bà Trần Kiều O, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
12. Bà Võ Kim Ng, sinh năm 1999 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
13. Bà Huỳnh Thị Ch, sinh năm 1961 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
14. Bà Nguyễn Kiều N, sinh năm 1970 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
15. Bà Đặng Thị Th, sinh năm 1947 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
16. Bà Bùi Thị Th1, sinh năm 1983 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp 6, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
17. Bà Lê Kim Th2, sinh năm 1967 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
18. Bà Nguyễn Thanh Th3, sinh năm 1980 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
19. Bà Diệp Thị Tr, sinh năm 1975 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
20. Bà Th5 Thị M, sinh năm 1982 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
21. Bà Diệp Chúc L1, sinh năm 1983 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
22. Ông Vũ Việt Th4, sinh năm 1978 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
23. Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
24. Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1955 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
25. Bà Đỗ H2 Nh1, sinh năm 1985 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp 6, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
26. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1971 (có mặt)
Nơi cư trú: 2, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau.
27. Bà Phạm Thị Th5, sinh năm 1951 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
28. Bà Vũ T5 B3, sinh năm 1967 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
29. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1953 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
30. Ông Nguyễn D1, sinh năm 1954 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
31. Ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1968 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
32. Ông Lê Minh H, sinh năm 1984 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp 9, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
33. Bà Lê Thị N, sinh năm 1949 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
34. Bà Võ Thị T1, sinh năm 1983 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
35. Bà Đặng Kim L5, sinh năm 1956 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
36. Bà Nguyễn H2 Ng, sinh năm 1970 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp 4, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
37. Bà Đỗ Kim L4, sinh năm 1948 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp 5, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
38. Ông Đỗ Việt Tr2, sinh năm 1967 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
39. Bà Trần Thị L6, sinh năm 1956 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
40. Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1982 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
41. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1992 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp 3, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
42. Bà Phan Thị Th6, sinh năm 1969 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp 3, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
43. Bà Trần Kiều O, sinh năm 1962 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
44. Bà Đỗ Thị Th7, sinh năm 1938 (vắng mặt)
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
45. Bà Đỗ Thị G, sinh năm 1958 (có mặt)
Nơi cư trú: Ấp 6, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
46. Bà Trương Thị Th8, sinh năm 1960
Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàng Ph, sinh năm 1952; nơi cư trú:
Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau (Hợp đồng ủy quyền ngày 24/4/2024). Ông Ph

có mặt.

47. Bà Đỗ H2 Nh, sinh năm 1994 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 1, xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau

48. Bà Trương Thị U, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

49. Bà Nguyễn Th11 H1, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 12, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

50. Bà Trần Thị H2, sinh năm 1964 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

51. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1959 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

52. Bà Lê Thị Mộng C1, sinh năm 1980 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 1, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

53. Bà Châu Thị Th3, sinh năm 1971 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

54. Ông Lê Văn Tr3, sinh năm 1956

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị B3, sinh năm 1957; nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau (Hợp đồng ủy quyền ngày 28/3/2024). Bà B3 có mặt.

55. Bà Nguyễn Ngọc B1, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

56. Bà Nguyễn Thị Th9, sinh năm 1964 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

57. Bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1985 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 1, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

58. Bà Ngô Việt T1, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

59. Ông Lê Văn Gi, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

60. Ông Ngô Văn M, sinh năm 1970 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

61. Bà Th5 Thị L7, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

62. Bà Trịnh Cẩm Tr4, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 1, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

63. Ông Nguyễn Bách Th4, sinh năm 1952 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

64. Ông Nguyễn Quốc T4, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

65. Bà Võ Thị H2 Nga, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

66. Bà Trần H2 Th9, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

67. Bà Nguyễn Thị Ch1, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

68. Bà Nguyễn Th3 T5, sinh năm 1962 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 6, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

69. Bà Nguyễn Thị L3, sinh năm 1977 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 3, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

70. Ông L2 Văn M1, sinh năm 1959 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 5, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

71. Bà Trịnh Huyền Tr5, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 5, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

72. Bà Trần Thị Tr4, sinh năm 1954 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

73. Ông Đỗ Minh L8, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

74. Bà Nguyễn H2 T6, sinh năm 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 3, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

75. Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

76. Bà Nguyễn Thị T7, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

77. Ông Võ Văn C2, sinh năm 1989

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Anh Th10, sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau (Hợp đồng ủy quyền ngày 26/4/2024). Bà Th10 có mặt

78. Ông Võ Văn G1, sinh năm 1951 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

79. Bà Đỗ Thị H3, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp 4, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

80. Bà Nguyễn L6 Th11, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

81. Bà Nguyễn Thị Nh2, sinh năm 1954 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp 3, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

82. Bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1960 (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Chí T, sinh năm 1964 (chồng bị cáo Nh, vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp M, xã Kh, huyện U, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2010, L2 Thị Nh bắt đầu tổ chức làm chủ hội, mở nhiều dây hội cho những người quen biết Th2m gia để hưởng H3 H2 và đã kết thúc nhiều dây hội. Khi mở hội, Nh có mở sổ theo dõi, lập danh sách giao cho người chơi. Hình thức chơi hội mỗi tháng khai một lần, địa điểm bỏ thăm tại nhà của Nh, hội viên bỏ thăm cao nhất sẽ được hốt hội và Nh được hưởng 50% tiền H3 H2 của giá trị chân hội.

Trong thời gian đầu, Nh gom hội và giao hội đầy đủ, nên tạo được lòng tin của các hội viên. Tuy nhiên, từ năm 2013 đến 2014, Nh tiếp tục mở thêm 19 dây hội, loại hội 500.000 đồng và 1.000.000 đồng. Nh đã lợi dụng sự tin tưởng của các hội viên không đi bỏ thăm, hội viên Th2m gia chơi trong dây hội không quen biết nhau để tự ý lấy tên hội viên hốt 57 chân hội của 13/19 dây hội, Ch1ếm đoạt tổng số tiền 692.920.000 đồng nhằm mục đích đóng hội chết các chân hội mà Nh đã hốt và Ch1 xài cá nhân. Đến tháng 02/2015, thì Nh tuyên bố đình hội. Cụ thể:

Dây hội thứ nhất: Mở ngày 19/4/2013 (nhằm ngày 10/3/2013 âm lịch), loại hội 500.000 đồng, gồm 26 chân, với 24 hội viên Th2m gia. L2 Thị Nh Th2m gia chơi 01 chân, đã hốt ở kỳ 06 và mượn 02 chân hội của Lư Thị Diệu hốt ở kỳ 08, kỳ 09. Hội khai được 25 kỳ thì đình hội, còn 01 kỳ chưa khai. Trong 25 kỳ khai hội, Nh tự ý lấy tên hội viên hốt 03 kỳ, gồm các kỳ 11, 14, 20. Số tiền bỏ thăm mỗi kỳ 180.000 đồng, Ch1ếm đoạt số tiền 27.900.000 đồng.

Dây hội còn 03 hội viên, Th2m gia chơi 04 chân hội, đã đóng 25 kỳ hội sống với số tiền thực đóng 32.600.000 đồng. Trong đó, Phan Thị T1, 01 chân, số tiền 8.000.000 đồng; Nguyễn Mộng L1 01 chân, số tiền 8.600.000 đồng; Đỗ Kim L2, 02 chân, số tiền 16.000.000 đồng;

Dây hội thứ hai: Mở ngày 19/4/2013 (nhằm ngày 10/3/2013 âm lịch), loại hội 500.000 đồng, gồm 26 chân, với 22 hội viên Th2m gia, trong đó Nh Th2m gia chơi 01 chân, đã hốt ở kỳ 06. Hội khai được 25 kỳ thì đình hội, còn 01 kỳ chưa khai. Trong 25 kỳ khai hội, Nh tự ý lấy tên hội viên trong dây hội hốt 02 kỳ, gồm: kỳ 10, kỳ 20. Số tiền bỏ thăm 180.000 đồng/kỳ, Ch1ếm đoạt số tiền 19.500.000 đồng.

Dây hội còn 03 hội viên, Th2m gia chơi 03 chân hội, đã đóng 25 kỳ hội sống, với số tiền thực đóng mỗi người là 8.000.000 đồng, gồm: Nghị Th11 B1, Võ Thị L3, Nguyễn Cẩm Tú.

Dây hội thứ ba: Mở ngày 22/7/2013 (nhằm ngày 15/6/2013 âm lịch), loại hội 1.000.000 đồng, gồm 27 chân, với 25 hội viên Th2m gia. Hội khai được 22 kỳ thì đình hội, còn 05 kỳ chưa khai. Trong 22 kỳ khai hội, Nh tự ý lấy tên hội viên hốt 08 kỳ, gồm: kỳ 02, 03, 05, 07, 08, 10, 12, 13. Số tiền bỏ thăm từ 300.000 đồng đến 560.000 đồng, Ch1ếm đoạt số tiền 132.4700.000 đồng.

Dây hội còn 12 hội viên Th2m gia chơi 13 chân hội, đã đóng 22 kỳ hội sống, với tổng số tiền thực đóng 159.770.000 đồng. Trong đó, có 11 hội viên Th2m gia

chơi mỗi người 01 chân, với số tiền 12.290.000đồng/người, gồm: Hà Thị Ph, Võ Kim L4, L2 Văn T1, Ngô Văn B2, Trần Kiều O, Võ Kim Ng, Huỳnh Thị Ch, Nguyễn Kiều N, Đặng Thị Th, Bùi Thị Th1, L2 Kim Th và hội viên Võ Thị L3 Th2m gia chơi 02 chân, với số tiền 24.580.000đồng.

Dây hội thứ tư: Mở ngày 23/9/2013 (nhằm ngày 19/8/2013 âm lịch), loại hội 1.000.000đồng, gồm 25 chân, với 20 hội Th2m gia. Hội khai được 20 kỳ, còn 05 kỳ chưa khai. Trong đó, Nh tự ý lấy tên hội viên hót 08 kỳ, gồm: kỳ 02, 05, 06, 09, 11, 12, 14, 15. Số tiền bỏ thăm từ 350.000đồng đến 430.000đồng, Ch1ếm đoạt số tiền 137.230.000đồng.

Dây hội còn 10 hội viên Th2m gia chơi 13 chân hội, đã đóng 20 kỳ hội sống, với số tiền thực đóng 157.235.000đồng. Trong đó, có 07 hội viên Th2m gia chơi mỗi người 01 chân, với số tiền 12.095.000đồng/người, gồm: Nguyễn Th2nh Th3, Điệp Thị Tr, Th5 Thị M, Điệp Chúc L1, Vũ Việt Th4, Đỗ Văn C, Đỗ Văn D; 03 hội viên Th2m gia chơi mỗi người 02 chân, với số tiền 24.190.000đồng/người, gồm: Đỗ H2 Nh1, Võ Thị L3, Võ Kim Ng.

Dây hội thứ năm: Mở ngày 25/10/2013 (nhằm ngày 21/9/2013 âm lịch), loại hội 500.000đồng, gồm 26 chân, với 23 hội viên Th2m gia. Trong đó, Nh Th2m gia chơi 01 chân, đã hót ở kỳ 01 và mượn 01 chân hội của L2 Minh L8 hót ở kỳ 02. Hội khai được 19 kỳ, còn 07 kỳ chưa khai. Trong 19 kỳ khai hội, Nh tự ý lấy tên hội viên hót 05 kỳ, gồm: kỳ 03, 05, 06, 09, 10. Số tiền bỏ thăm từ 180.000đồng đến 230.000đồng, Ch1ếm đoạt số tiền 38.630.000đồng.

Dây hội còn 11 hội viên Th2m gia chơi 12 chân hội, đã đóng 19 kỳ hội sống, với số tiền thực đóng 63.060.000đồng. Trong đó, có 10 hội viên Th2m gia chơi mỗi người 01 chân, với số tiền 5.255.000đồng/người, gồm: Đỗ Văn D, Đỗ H2 Nh1, Võ Kim Ng, Nguyễn Văn G, Phạm Thị Th5, Vũ T5 B3, Võ Thị L3, Nguyễn Thị S, Nguyễn D1, Nguyễn Văn X và hội viên L2 Minh H Th2m gia chơi 02 chân, với số tiền 10.510.000đồng.

Dây hội thứ sáu: Mở ngày 25/10/2013 (nhằm ngày 21/9/2013 âm lịch), loại hội 500.000đồng, gồm 27 chân, với 27 hội viên Th2m gia, Nh Th2m gia chơi 1 chân hót ở kỳ 01 và mượn 02 chân hội của Lư Thị Diệu, Trần Văn Kiệm hót ở kỳ 03, kỳ 04. Hội khai được 19 kỳ, còn 08 kỳ chưa khai. Trong đó, Nh tự ý lấy tên hội viên hót 04 kỳ, gồm: kỳ 05, 08, 14, 16. Số tiền bỏ thăm từ 190.000đồng đến 250.000đồng, Ch1ếm đoạt số tiền 33.570.000đồng.

Dây hội còn 12 hội viên Th2m gia chơi 12 chân hội, đã đóng 19 kỳ hội sống, với tổng số tiền thực đóng 5.370.000đồng/người, gồm: L2 Thị N, Võ Thị T1, Đặng Kim L5, Đỗ Văn D, Đỗ H2 Nh1, Nguyễn H2 Ng, Đỗ Kim L4, L2 Văn T1, Võ Kim Ng, Nguyễn Văn G, Võ Thị L3, Đỗ Việt Tr2.

Dây hội thứ B: Mở ngày 17/12/2013 (nhằm ngày 15/11/2013 âm lịch), loại hội 1.000.000 đồng, gồm 25 chân, với 19 hội viên Th2m gia. Nh Th2m gia chơi 01 chân, đã hót ở kỳ 02 và mượn 02 chân hội của Phan H2 Cẩm hót ở kỳ 01, kỳ 04. Hội khai được 17 kỳ, còn 8 kỳ chưa khai. Trong đó, Nh tự ý lấy tên hội viên hót 07 kỳ,

gồm: kỳ 03, 05, 07, 08, 11, 13, 14. Số tiền bỏ thăm từ 370.000đồng đến 530.000đồng, Ch1ếm đoạt số tiền 94.600.000đồng.

Dây hội còn 12 hội viên Th2m gia chơi 15 chân hội, đã đóng 17 kỳ hội sống với tổng số tiền thực đóng 139.800.000đồng. Trong đó, có 11 hội viên Th2m gia chơi mỗi người 01 chân, với số tiền thực đóng 9.320.000đồng/người, gồm: Trần Thị L6, Phạm Văn Đ, Nguyễn Thị C1, Phan Thị Th6, Trần Kiều O, Nguyễn Kiều N, Võ Kim L4, Nguyễn Thị S, Nguyễn D1, Đỗ Thị Th7, Đỗ Thị G và hội viên Hà Thị Ph Th2m gia chơi 04 chân, số tiền 37.280.000đồng.

Dây hội thứ tám: Mở ngày 06/01/2014 (nhằm ngày 06/12/2013 âm lịch), loại hội 500.000đồng, gồm 26 chân, với 20 hội viên Th2m gia. Hội khai được 16 kỳ thì đình hội, còn 10 kỳ chưa khai. Trong 16 kỳ khai hội, Nh tự ý lấy tên hội viên hốt 06 kỳ, gồm: kỳ 02, 05, 07, 09, 11, 15. Số tiền bỏ thăm từ 200.000đồng đến 300.000đồng, Ch1ếm đoạt số tiền 44.470.000đồng.

Dây hội còn 12 hội viên Th2m gia chơi 16 chân hội, đã đóng 16 kỳ hội sống, với tổng số tiền thực đóng 67.760.000đồng. Trong đó, có 09 hội viên Th2m gia chơi mỗi người 01 chân, với số tiền thực đóng 4.235.000đồng/người, gồm: L2 Kim Th2, Trần Kiều O, Vũ T5 B3, Vũ Việt Th4, Trương Thị Th2i, Phạm Văn Đ, Đỗ H2 Nh, Nguyễn H2 Ng, Trương Thị U; có 02 hội viên Th2m gia chơi mỗi người 02 chân, với số tiền thực đóng 8.470.000đồng/người, gồm: Nguyễn D1, Nguyễn Th11 H1 và hội viên Trần Thị H2 Th2m gia chơi 03 chân, số tiền thực đóng 12.705.000đồng.

Dây hội thứ chín: Mở ngày 15/02/2014 (nhằm ngày 16/01/2014 âm lịch), loại hội 1.000.000đồng, gồm 28 chân, với 23 hội viên Th2m gia. Nh Th2m gia chơi 02, đã hốt ở kỳ 02, kỳ 03 và mượn 01 chân hội của Phan Cẩm H2 hốt ở kỳ 05. Hội khai được 15 kỳ thì đình hội, còn 13 kỳ chưa khai. Trong đó, Nh tự ý lấy tên hội viên hốt 04 kỳ, gồm: kỳ 07, 08, 10, 13. Số tiền bỏ thăm từ 400.000đồng đến 460.000đồng, Ch1ếm đoạt số tiền 66.930.000đồng.

Dây hội còn 13 hội viên Th2m gia chơi 17 chân hội, đã đóng 15 kỳ hội sống, với tổng số tiền thực đóng 149.600.000đồng. Trong đó, có 09 hội viên Th2m gia chơi mỗi người 01 chân, với số tiền thực đóng 8.800.000đồng/người, gồm: Nguyễn Thị Đ, Nguyễn D1, L2 Thị Mộng C1, Võ Kim L4, Châu Thị Th3, L2 Văn Tr3, Nguyễn Ngọc B1, Nguyễn Thị Th9, Phạm Thị Ng; có 04 hội viên Th2m gia chơi mỗi người 02 chân, số tiền thực đóng 17.600.000 đồng/người, gồm: Huỳnh Thị Ch, Ngô Việt T1, L2 Văn Gi, Hà Thị Ph.

Dây hội thứ mười: Mở ngày 15/02/2014 (nhằm ngày 16/01/2014 âm lịch), loại hội 500.000đồng, gồm 26 chân, với 20 hội viên Th2m gia. Nh Th2m gia chơi 01 chân hốt ở kỳ 01; mượn 2 chân của Trần Thị L5 và Phan Cẩm H2 hốt ở kỳ 04, kỳ 05. Hội khai được 15 kỳ, còn 11 kỳ chưa khai. Trong đó, Nh tự ý lấy tên hội viên Th2m gia hốt 05 kỳ, gồm: kỳ 07, 08, 11, 12, 14. Số tiền bỏ thăm từ 150.000đồng đến 240.000đồng, Ch1ếm đoạt số tiền 43.410.000đồng.

Dây hội còn 11 hội viên Th2m gia chơi 16 chân hội, đã đóng 15 kỳ hội sống, với số tiền thực đóng 73.120.000đồng. Trong đó, có 07 hội viên Th2m gia chơi mỗi

người 01 chân, với số tiền thực đóng 4.570.000đồng/người, gồm: Điệp Chúc L1, Ngô Văn M, Th5 Thị L7, Trịnh Cẩm Tr4, Nguyễn Thị S, Vũ Việt Th4, Nguyễn Bách Th4; có 03 hội viên Th2m gia chơi mỗi người 02 chân, số tiền thực đóng 9.140.000đồng/người, gồm: Nghị Th11 B1, Nguyễn H2 Ng, Đỗ Việt Tr2 và hội viên Nguyễn Quốc T4 Th2m gia chơi 03 chân, số tiền thực đóng 13.710.000đồng.

Dây hội thứ mười một: Mở ngày 24/4/2014 (nhằm ngày 25/3/2014 âm lịch), loại hội 500.000đồng, gồm 25 chân, với 18 hội viên Th2m gia. Nh Th2m gia chơi 01 chân hót ở kỳ 01. Hội khai được 13 kỳ, còn 12 kỳ chưa khai. Trong 13 kỳ khai hội, Nh tự ý lấy tên hội viên hót 03 kỳ, gồm: kỳ 02, 06, 12. Số tiền bỏ thăm từ 170.000đồng đến 250.000đồng, Ch1ếm đoạt số tiền 22.380.000đồng.

Dây hội còn 09 hội viên Th2m gia chơi 15 chân hội, đã đóng 13 kỳ hội sống, với tổng số tiền thực đóng 55.970.000đồng. Trong đó, có 05 hội viên Th2m gia chơi mỗi người 01 chân, với số tiền thực đóng 3.470.000đồng/người, gồm: Võ Thị H2 Nga, Trần H2 Th9, Nguyễn Thị Ch1, Trần Kiều O, Nguyễn Th3 T5; có 02 hội viên Th2m gia chơi mỗi người 02 chân, với số tiền thực đóng 7.500.000đồng/người, gồm: Võ Kim L4, Trương Thị Th2i; có 02 hội viên Th2m gia chơi mỗi người 03 chân, với số tiền thực đóng 11.250.000đồng/người, gồm: L2 Thị N, Nguyễn Thị L3.

Dây hội thứ mười hai: Mở ngày 05/7/2014 (nhằm ngày 09/6/2014 âm lịch), loại hội 1.000.000đồng, gồm 26 chân, với 20 hội viên Th2m gia. Nh Th2m gia chơi 01 chân, đã hót ở kỳ 04 và mượn 01 chân hội của Nguyễn Thị L3 Ch1 hót kỳ 09. Hội khai được 10 kỳ thì đình hội, còn 16 kỳ chưa khai. Trong 10 kỳ khai hội, Nh tự ý lấy tên hội viên hót 01 kỳ (kỳ 02), số tiền bỏ thăm 380.000đồng, Ch1ếm đoạt số tiền 15.880.000đồng.

Dây hội còn 14 hội viên, Th2m gia chơi 17 chân hội, đã đóng 10 kỳ hội sống, với tổng số tiền thực đóng 88.060.000đồng. Trong đó, có 11 hội viên Th2m gia chơi mỗi người 01 chân, với số tiền thực đóng là 5.180.000đồng/người, gồm: Nguyễn Thị S, L2 Văn M1, Trịnh Huyền Tr5, Trần Thị Tr4, Đỗ Minh L8, Nguyễn H2 T6, Đỗ Thị V, L2 Minh H, Nguyễn Thị T7, Nguyễn Th3 T5, Phạm Thị Ng; có 03 hội viên Th2m gia chơi mỗi người 02 chân, với số tiền thực đóng 10.360.000đồng/người, gồm: Nguyễn D1, Võ Văn C2, Th5 Thị M.

Dây hội thứ mười ba: Mở ngày 25/7/2014 (nhằm ngày 29/6/2014 âm lịch), loại hội 1.000.000đồng, gồm 26 chân, với 19 hội viên Th2m gia. Nh Th2m gia chơi 02 chân, đã hót ở kỳ 01, kỳ 06 và mượn 01 chân hội của Trần Văn Kiêm hót ở kỳ 10. Hội khai được 10 kỳ thì đình hội, còn 16 kỳ chưa khai. Trong 16 kỳ khai hội, Nh tự ý lấy tên hội viên hót 01 kỳ (kỳ 03). Số tiền bỏ thăm 350.000đồng, Ch1ếm đoạt số tiền 15.950.000đồng.

Dây hội còn 13 hội viên, Th2m gia chơi 17 chân hội, đã đóng 10 kỳ hội sống, với tổng số tiền thực đóng 94.480.000đồng. Trong đó, có 09 hội viên Th2m gia chơi mỗi người 01 chân, với số tiền thực đóng 5.630.000đồng/người, gồm: Nguyễn H2 Ng, Nguyễn Kiều N, Đỗ Thị H3, Nguyễn L6 Th11, Trịnh Huyền Tr5, Đỗ Minh L8, Trần Thị Tr4, Võ Văn G1, Nguyễn Thị Nhẫn; có 04 hội viên Th2m gia chơi mỗi

người 02 chân, với số tiền thực đóng 11.260.000đồng/người, gồm: Nguyễn H2 T6, Nguyễn Thị Ch1, Đỗ H2 Nh1 và hội viên Nguyễn Thị T5, số tiền 10.440.000đồng.

* Ngoài 13 dây hội nêu trên, khi đình hội thì còn 04 dây hội chưa mãn và 02 dây hội đã mãn. Quá trình điều tra xác định Nh không có tự ý hốt hội Ch1ếm đoạt tiền của các hội viên. Cụ thể:

- 04 dây hội chưa mãn:

(1) Dây hội mở ngày 19/3/2014 (nhằm ngày 19/02/2014 âm lịch), loại hội 1.000.000 đồng, gồm 25 chân, với 21 hội viên Th2m gia. Nh Th2m gia 02 chân. Hội khai được 14 kỳ, còn 11 kỳ chưa khai.

(2) Dây hội mở ngày 26/8/2014 (nhằm ngày 02/8/2014 âm lịch), loại hội 500.000 đồng, gồm 26 chân, với 18 hội viên Th2m gia. Hội khai được 08 kỳ, còn 18 kỳ chưa khai.

(3) Dây hội mở ngày 25/9/2014 (nhằm ngày 02/9/2014 âm lịch), loại hội 500.000 đồng, gồm 28 chân, với 18 hội viên Th2m gia. Nh Th2m gia 06 chân. Hội khai được 07 kỳ, còn 21 kỳ chưa khai.

(4) Dây hội mở ngày 21/11/2014 (nhằm ngày 29/9/2014 âm lịch), loại hội 500.000 đồng, gồm 25 chân, với 18 hội viên Th2m gia. Nh Th2m gia 04 chân. Hội khai được 06 kỳ, còn 19 kỳ chưa khai.

- 02 dây hội đã mãn, nhưng Nh chưa giao tiền hội đủ cho hội viên. Cụ thể:

(1) Dây hội mở ngày 02/3/2013 (nhằm ngày 21/01/2013 âm lịch), loại hội 500.000 đồng, gồm 26 chân, với 19 hội viên Th2m gia, hội khai được 26 kỳ. Hội viên Nguyễn H2 Ng và Nguyễn D1 là người hốt 02 kỳ cuối nhưng Nh chưa giao tiền hội. L4 do trong dây hội này, hội viên L2 Thị Xuyên không đóng hội chết từ kỳ 08, Nh phải lấp hội cho Xuyên. Đến kỳ 24, 25 và 26, Nh không còn khả năng lấp hội cho Xuyên. Trước khi đình hội, Nh có thỏa Th11ận với Ng và D1 về việc chung chậm tiền hội, thì Ng và D1 đồng ý.

(2) Dây hội mở ngày 20/3/2013 (nhằm ngày 09/02/2013al), loại hội 500.000 đồng, gồm 26 chân, với 21 hội viên Th2m gia, hội khai được 26 kỳ. Hội viên Trương Thị U và Đỗ H Gi là người hốt ở 02 kỳ cuối nhưng Nh chưa gia tiền hội. L4 do trong dây hội này, có hội viên Đoàn Th11 Tư, sau khi hốt hội thì không đóng hội chết từ kỳ thứ 08. Trước khi đình hội, Nh và Trương Thị U, Đỗ H Gi thỏa Th11ận thống nhất cho Nh chung chậm tiền hội.

- Tại Cáo trạng số 14/CT-VKS-P1 ngày 20 tháng 02 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đã truy tố Nh về tội “Lừa đảo Ch1ếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau Th2m gia phiên tòa phát biểu:

+ Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo phạm tội “Lừa đảo Ch1ếm đoạt tài sản”, phạt bị cáo từ 07 năm đến 09 năm tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo hoàn trả số tiền đã Ch1ếm đoạt cho bị hại có yêu cầu được xác định trong giai đoạn điều tra và làm rõ tại phiên tòa. Giao cho Cục Th1 hành án dân sự tỉnh Cà Mau tiếp tục quản L4 số tiền 400 triệu đồng gia đình bị cáo đã khắc phục trong quá trình điều tra để bảo đảm cho việc Th1 hành án.

+ Về xử L4 vật chứng: Chuyển lưu theo hồ sơ 19 (mười chín) danh sách hui do các hui viên giao nộp.

- Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát.

- Các bị hại có mặt yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền vốn hui trong các dây hui mà bị cáo Ch1ếm đoạt đã được đổi Ch1ếu trong quá trình điều tra và tại phiên tòa; Thống nhất với mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

- Lời nói sau cùng của bị cáo: Thừa nhận hành vi phạm tội và xin được tại ngoại để lo cho gia đình và lo trả nợ cho các hui viên. Bị cáo đồng ý Th2nh toán cho các bị hại số tiền vốn hui thực tế đóng vào các dây hui mà bị cáo Ch1ếm đoạt và được đổi Ch1ếu tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội là phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ. Qua đó, có đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ ngày 02/3/2013 (nhằm ngày 21/01/2013 al) đến ngày 21/11/2014 (nhằm ngày 29/9/2014 al), Lê Thị Nh làm chủ 19 dây hui. Trong quá trình làm chủ hui, Nh tự ý lấy tên hui viên hót 57 chân hui của 13/19 dây hui, chiếm đoạt tổng số tiền 692.920.000đ. Với những tình tiết này, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau truy tố Nh về tội “Lừa đảo Ch1ếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội thuộc trường hợp tội phạm đặc biệt nghiêm trọng. Chỉ vì động cơ vụ lợi, muốn có tiền để đóng hui chết và chi xài cá nhân, mà bị cáo đã lợi dụng lòng tin của các hui viên, lợi dụng việc hui viên không đi bỏ thăm, các hui viên trong cùng dây hui không quen biết nhau, bị cáo đã thực hiện hành vi gian dối tự ý hót hui nhằm chiếm đoạt tiền của họ. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, làm cho nhiều gia đình bị thiệt hại nghiêm trọng về tài sản, lâm vào hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự của địa phương. Bị cáo chiếm đoạt tài sản

của người khác là trái pháp luật, phạm tội thì phải bị xử lý và chịu hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi bị cáo đã gây ra.

[4] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng sau đây cho bị cáo:

[4.1] Tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, gia đình bị cáo nộp khắc phục được 400 triệu đồng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Chưa có tiền án, tiền sự; Cha ruột bị cáo và bà ngoại Mai Thị Tổ có công với cách mạng, được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhất; Quá trình điều tra, truy tố, bị hại không có yêu cầu gì về dân sự và hình sự đối với bị cáo, gồm có: Đỗ Kim L2, Trần Kiều O, Bùi Thị Th1, Nguyễn Văn G, Phạm Thị Th5, L2 Minh H, Trịnh Cẩm Tr4, Trần Thị Tr4, Nguyễn L6 Th11; Bị hại có yêu cầu về dân sự nhưng không có yêu cầu xử L4 hình sự đối với bị cáo, gồm có: Phan Thị T1, Nguyễn Kiều N, Diệp Chúc L1, L2 Thị N, Võ Thị T1, Đặng Kim L5, Đỗ Kim L4, Nguyễn Thị C1, Phạm Thị Th6, Trần Kiều O, Đỗ Thị G, Trương Thị U, Nguyễn Th11 H1, Trần Thị H2, Châu Thị Th3, Phạm Thị Ng, Ngô Việt T1, L2 Văn Gi, Th5 Thị L7, Nguyễn Quốc T4, Võ Thị H2 Nga, Nguyễn Thị Ch1, Nguyễn Thị L3, Trịnh Huyền Tr5, Đỗ Minh L8, Đỗ Thị V, Nguyễn Thị T7, Võ Văn C2, Võ Văn G1; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gồm có: Nguyễn Mộng L1, Võ Thị L3, Hà Thị Ph, Võ Kim L4, L2 Văn T1, Ngô Văn B2, Võ Kim Ng, Huỳnh Thị Ch, Đặng Thị Th, L2 Kim Th2, Nguyễn Thanh Th3, Diệp Thị Tr, Th5 Thị M, Vũ Việt Th4, Đỗ Văn C, Đỗ Văn D, Đỗ H2 Nh1, Vũ T5 B3, Nguyễn Thị S, Nguyễn D1, Nguyễn Văn X, Nguyễn H2 Ng, Trần Thị L6, Phạm Văn Đ, Đỗ Thị Th7, Trương Thị Th2i, Lê Thị Mộng C1, L2 Văn Tr3, Nguyễn Thị Th9, Nguyễn Bách Th4, Nguyễn Th3 T5, Nguyễn H2 T6, Đỗ Thị H3, Nguyễn Thị Nh2.

[4.2] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở L2n;

[5] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và các đặc điểm nhân thân của bị cáo, xét đề nghị về mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là có cơ sở. Hội đồng xét xử cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để có thời gian cải tạo thành người tốt cũng như phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo chiếm đoạt tiền ở 13 dây hụi, nên giao dịch hụi bị chiếm đoạt là vô hiệu, vì vậy chỉ buộc bị cáo hoàn trả cho bị hại tiền vốn hụi (số tiền thực đóng vào dây hụi), tiền bị cáo chung hụi thiếu (đối với hụi viên là bị hại), khấu trừ tiền hụi chết bị hại nợ bị cáo trong các dây hụi chiếm đoạt, tiền bị cáo trừ cần nợ qua hụi viên khác và tiền trực tiếp khắc phục sau khi bề hụi. Cụ thể, bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả cho các bị hại có yêu cầu với số tiền gồm:

- Đối với bà Phan Thị T1: Số tiền thực đóng 01 chân ở dây hụi thứ nhất là 08 triệu đồng, bà T1 cho bị cáo 04 triệu đồng, còn lại 04 triệu đồng;

- Đối với ông Nguyễn Mộng L1: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hụi thứ nhất là 8.600.000 đồng;

- Đối với bà Nghi Th11 B1: Số tiền thực đóng của 02 chân ở dây hụi thứ 02 và thứ 10 là 17.140.000đ;

- Đối với bà Võ Thị L3: Tổng số tiền thực đóng của 07 chân ở dây hụi thứ 02, 03, 04-06 là 67.395.000đ, cộng 05 triệu đồng bị cáo chung hụi Th1ếu ở dây thứ nhất,

tổng cộng là 72.395.000đ, khấu trừ 500.000đ bà L3 nợ hụi chết ở dây hụi thứ nhất, còn lại 71.895.000đ;

- Đối với bà Nguyễn Cẩm Tú: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hụi thứ 02 là 08 triệu đồng;

- Đối với bà Hà Thị Ph: Tổng số tiền thực đóng của 07 chân ở dây hụi thứ 03, 07 và 09 là 67.170.000đ, khấu trừ 06 triệu đồng giá trị bộ salon, còn lại 61.170.000đ;

- Đối với bà Võ Kim L4: Tổng 05 chân ở các dây hụi thứ 03, 07, 09 và 11 là 37.910.000đ, khấu trừ 06 triệu đồng bà L4 nợ hụi chết ở dây hụi thứ 11, trừ cần qua bà Ngô Thị Nga 01 triệu đồng và bà Nguyễn H2 Đào 1.500.000đ, còn lại 29.410.000đ;

- Đối với ông Lê Văn T1: Tổng số tiền thực đóng của 02 chân ở dây hụi thứ 03 và 06 là 17.660.000đ;

- Đối với ông Ngô Văn B2: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hụi thứ 03 là 12.290.000đ, khấu trừ 05 triệu đồng ông B2 nợ hụi chết ở dây thứ 04, còn lại 7.290.000đ;

- Đối với bà Trần Kiều O: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hụi thứ 03 là 12.290.000đ, khấu trừ 05 triệu đồng trừ cần qua bà Trần Thị Sáu và Đặng Thị Huệ, còn lại 7.290.000đ;

- Đối với bà Võ Kim Ng: Tổng số tiền thực đóng của 05 chân ở dây hụi thứ 03 đến thứ 06 là 47.105.000đ, cộng tiền chung hụi Th1ếu ở dây thứ nhất 750.000đ, tổng cộng là 47.855.000đ, khấu trừ 500.000đ bà Ng nợ hụi chết ở dây thứ nhất và 01 triệu đồng trừ cần qua bà Trần Thị Sáu, còn lại 46.355.000đ;

- Đối với bà Huỳnh Thị Ch: Tổng số tiền thực đóng của 03 chân ở 02 dây hụi thứ 03 và 09 là 29.890.000đ;

- Đối với bà Nguyễn Kiều N: Tổng số tiền thực đóng của 03 chân ở dây hụi thứ 03, 07 và 13 là 27.240.000đ;

- Đối với bà Đặng Thị Th: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hụi thứ 03 là 12.290.000đ, khấu trừ 04 triệu đồng trừ cần qua bà L2 Thị Quyên, còn lại 8.290.000đ;

- Đối với bà Bùi Thị Th1: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hụi thứ 03 là 12.290.000đ, trừ cần 7.500.000đ qua bà Bé Thơ, còn lại 4.790.000đ;

- Đối với bà Lê Kim Th2: Tổng số tiền thực đóng của 02 chân ở dây hụi thứ 03 và 08 là 16.525.000đ, khấu trừ 5,5 triệu đồng bà Th2 nợ hụi chết ở dây 01 và dây 04, còn lại 11.025.000đ;

- Đối với bà Nguyễn Thanh Th3: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hụi thứ 4 là 12.095.000đ, khấu trừ 05 triệu đồng bà Th3 nợ hụi chết ở dây 04, còn lại 7.095.000đ;

- Đối với bà Diệp Thị Tr: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hụi thứ 4 là 12.095.000đ;

- Đối với bà Th5 Thị M: Tổng số tiền thực đóng của 03 chân ở dây hụi thứ 04 và 12 là 22.455.000đ, khấu trừ 15.500.000đ bà M nợ hụi chết tại các dây hụi thứ 04, 08 và 09, còn lại 6.955.000đ;

- Đối với bà Diệp Chúc L1: Tổng số tiền thực đóng của 02 chân ở dây hụi thứ 04 và 07 là 16.665.000đ;

- Đối với ông Vũ Việt Th4: Tổng số tiền thực đóng của 03 chân ở dây hui thứ 04, 08 và 10 là 20.900.000đ;
- Đối với ông Đỗ Văn C: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 04 là 12.095.000đ;
- Đối với ông Đỗ Văn D: Tổng số tiền thực đóng của 03 chân ở dây hui thứ 04 đến 06 là 22.720.000đ;
- Đối với bà Đỗ H2 Nh1: Tổng số tiền thực đóng của 06 chân ở dây hui thứ 04-06 và 13 là 46.075.000đ;
- Đối với bà Vũ T5 B3: Tổng số tiền thực đóng của 02 chân ở dây hui thứ 05 và 08 là 9.490.000đ, khấu trừ 5,5 triệu đồng bà B3 nợ hui chết ở dây hui thứ 10, còn lại 3.990.000đ;
- Đối với bà Nguyễn Thị S: Tổng số tiền thực đóng của 04 chân ở dây hui thứ 05, 07, 10 và 12 là 24.325.000đ, khấu trừ 19.000.000đ bà S nợ hui chết ở dây thứ 05 và 12, còn lại 5.325.000đ;
- Đối với ông Nguyễn D1: Tổng số tiền thực đóng của 07 chân ở dây hui thứ 05, 07-09 và 12 là 42.205.000đ;
- Đối với ông Nguyễn Văn X: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 05 là 5.255.000đ;
- Đối với ông Lê Minh H: Tổng số tiền thực đóng của 03 chân ở dây hui thứ 05 và 12 là 15.690.000đ;
- Đối với bà Lê Thị N: Tổng số tiền thực đóng của 04 chân ở dây hui thứ 06 và 11 là 16.620.000đ;
- Đối với bà Võ Thị T1: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 06 là 5.370.000đ;
- Đối với bà Đặng Kim L5: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 06 là 5.370.000đ;
- Đối với bà Nguyễn H2 Ng: Tổng số tiền thực đóng của 05 chân ở dây hui thứ 06, 08, 10 và 13 là 24.375.000đ;
- Đối với bà Đỗ Kim L4: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 06 là 5.370.000đ;
- Đối với ông Đỗ Việt Tr2: Tổng số tiền thực đóng của 03 chân ở dây hui thứ 06 và 10 là 14.510.000đ, khấu trừ 05 triệu đồng bà Tr2 nợ hui chết ở dây hui thứ 08, còn lại 9.510.000đ;
- Đối với bà Trần Thị L6: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 07 là 9.320.000đ, khấu trừ 03 triệu đồng bà L6 nợ hui chết ở dây 03, còn lại 6.320.000đ;
- Đối với ông Phạm Văn Đ: Tổng số tiền thực đóng của 02 chân ở dây hui thứ 07 và 09 là 13.555.000đ, trừ cần qua bà Đặng Thị Huệ số tiền 02 triệu đồng, còn lại 11.555.000đ;
- Đối với bà Nguyễn Thị C1: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 07 là 9.320.000đ;
- Đối với bà Phạm Thị Th6: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 07 là 9.320.000đ;

- Đối với bà Trần Kiều O: Tổng số tiền thực đóng của 03 chân ở dây hui thứ 07, 08 và 11 là 17.305.000đ, khấu trừ 08 triệu đồng bà O nợ hui chết ở dây hui thứ 07, còn lại 9.305.000đ;
- Đối với bà Đỗ Thị Th7: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 07 là 9.320.000đ, trừ cần 3,5 triệu đồng qua bà Nguyễn Thị Th3, còn lại 5.820.000đ;
- Đối với bà Đỗ Thị G: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 07 là 9.320.000đ;
- Đối với bà Trương Thị Th2i: Tổng số tiền thực đóng của 03 chân ở dây hui thứ 08 và 11 là 11.735.000đ;
- Đối với bà Đỗ H2 Nh: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 08 là 4.235.000đ;
- Đối với bà Trương Thị U: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 08 là 4.235.000đ;
- Đối với bà Nguyễn Th11 H1: Số tiền thực đóng của 02 chân ở dây hui thứ 08 là 8.470.000đ;
- Đối với bà Trần Thị H2: Số tiền thực đóng của 03 chân ở dây hui thứ 08 là 12.705.000đ, khấu trừ 05 triệu đồng bà H2 nợ hui chết ở dây thứ 08, còn lại 7.705.000đ;
- Đối với bà L2 Thị Mộng C1: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 09 là 8.800.000đ;
- Đối với bà Châu Thị Th3: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 09 là 8.800.000đ;
- Đối với ông L2 Văn Tr3: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 09 là 8.800.000đ, khấu trừ 7,5 triệu đồng ông Tr3 nợ hui chết ở dây 05 và 06, còn lại 1,3 triệu đồng;
- Đối với bà Nguyễn Ngọc B1: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 09 là 8.800.000đ;
- Đối với bà Nguyễn Thị Th9: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 09 là 8.800.000đ, khấu trừ 1,5 triệu đồng bà Th9 nợ hui chết ở dây hui thứ 02, còn lại 7.300.000đ;
- Đối với bà Phạm Thị Ng: Tổng số tiền thực đóng của 02 chân ở dây hui thứ 09 và 12 là 13.980.000đ, khấu trừ 06 triệu đồng bà Ng nợ hui chết ở dây thứ 10, còn lại 7.980.000đ;
- Đối với bà Ngô Việt T1: Số tiền thực đóng của 02 chân ở dây hui thứ 09 là 17.600.000đ;
- Đối với ông L2 Văn Gi: Số tiền thực đóng của 02 chân ở dây hui thứ 09 là 17.600.000đ;
- Đối với ông Ngô Văn M: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 10 là 4.570.000đ;
- Đối với bà Th5 Thị L7: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 10 là 4.570.000đ;
- Đối với ông Nguyễn Bách Th4: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 10 là 4.570.000đ, khấu trừ 04 triệu đồng ông Th4 nợ hui chết ở dây thứ 06, còn lại 570.000đ;

- Đối với ông Nguyễn Quốc T4: Số tiền thực đóng của 03 chân ở dây hui thứ 10 là 13.710.000đ;
- Đối với bà Võ Thị H2 Nga: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 11 là 3.530.000đ;
- Đối với bà Nguyễn Thị Ch1: Tổng số tiền thực đóng của 03 chân ở dây hui thứ 11 và 13 là 15.010.000đ;
- Đối với bà Nguyễn Th3 T5: Tổng số tiền thực đóng của 02 chân ở dây hui thứ 11 và 12 là 8.930.000đ;
- Đối với bà Nguyễn Thị L3: Số tiền thực đóng của 03 chân ở dây hui thứ 11 là 11.250.000đ;
- Đối với ông L2 Văn M1: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 12 là 5.180.000đ;
- Đối với bà Trịnh Huyền Tr5: Tổng số tiền thực đóng của 02 chân ở dây hui thứ 12 và 13 là 10.810.000đ;
- Đối với ông Đỗ Minh L8: Tổng số tiền thực đóng của 02 chân ở dây hui thứ 12 và 13 là 10.810.000đ;
- Đối với bà Nguyễn H2 T6: Tổng số tiền thực đóng của 03 chân ở dây hui thứ 12 và 13 là 16.440.000đ, khấu trừ 08 triệu đồng bà T6 nợ hui chết ở dây thứ 12, còn lại 8.440.000đ;
- Đối với bà Đỗ Thị V: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 12 là 5.180.000đ;
- Đối với bà Nguyễn Thị T7: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 12 là 5.180.000đ. Tuy nhiên, qua đối Ch1ếu và trừ cần nợ, thì bà T7 còn nợ lại bị cáo tiền hui chết. Số tiền bà T7 nợ bị cáo sẽ được giải quyết theo thỏa Th11ận hoặc theo thủ tục tố tụng dân sự nếu phát sinh tranh chấp và có yêu cầu.
- Đối với ông Võ Văn C2: Số tiền thực đóng của 02 chân ở dây hui thứ 12 là 10.360.000đ;
- Đối với ông Võ Văn G1: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 13 là 5.630.000đ;
- Đối với bà Đỗ Thị H3: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 13 là 5.630.000đ, khấu trừ 04 triệu đồng bà H3 nợ hui chết ở dây thứ 02 và 03, còn lại 1.630.000đ;
- Đối với bà Nguyễn Thị Nh2: Số tiền thực đóng của 01 chân ở dây hui thứ 13 là 5.630.000đ;
- Đối với bà Nguyễn Thị T5: Số tiền thực đóng của 02 chân ở dây hui thứ 13 là 10.440.000đ, trừ cần qua bà Đặng Thị Huệ 05 triệu đồng, còn lại 5.440.000đ.

Trường hợp chậm thanh toán số tiền nói trên cho các bị hại, bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định.

Tiếp tục giao cho Cục thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau quản lý số tiền 400 triệu đồng gia đình bị cáo nộp khắc phục để bảo đảm cho việc thi hành án.

Đối với các bị hại còn lại trong vụ án không có yêu cầu bị cáo thanh toán do đã đối chiếu hoặc thỏa thuận xong với bị cáo trong quá trình điều tra nên không xử lý. Tuy nhiên, những bị hại này có quyền khởi kiện vụ án dân sự theo thủ tục tố tụng dân sự để yêu cầu bị cáo thanh toán nợ nếu có phát sinh tranh chấp.

[7] Về xử lý vật chứng: Chuyển lưu theo hồ sơ 19 (mười chín) danh sách hội do các hội viên giao nộp.

[8] Với các phân tích nêu trên, ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo được chấp nhận.

[9] Đối với ông Lê Chí T (chồng của bị cáo): Quá trình điều tra xác định việc làm chủ hội là do Nh tổ chức thực hiện, ông T không biết bị cáo gian dối để chiếm đoạt tiền của hội viên, không có vai trò đồng phạm với bị cáo trong vụ án, nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau không xử lý ông T là phù hợp.

[10] Do bị kết án và phải thanh toán nợ nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[11] Đối với các hội viên ở các dây hội khác (04 dây hội chưa mãn bị cáo không chiếm đoạt (gồm: Dây hội 01 triệu đồng mở ngày 19/02/2014 al; 03 dây hội 500.000đ mở ngày 028/2014 al, mở ngày 02/9/2014 al và mở ngày 29/9/2014 al) và 02 dây hội đã mãn (gồm 02 dây hội 500.000đ mở ngày 21/01/2013 al và mở ngày 09/02/2013 al), bị cáo còn nợ tiền hội và các khoản nợ khác giữa bị cáo với các bị hại cũng như các hội viên khác được giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự nếu có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố bị cáo Lê Thị Nh phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, phạt bị cáo 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Các điều 584 và 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo phải có nghĩa vụ hoàn trả cho các bị hại số tiền cụ thể như sau:

2.1. Hoàn trả cho bà Phan Thị T1 số tiền 4.000.000 (bốn triệu) đồng;

2.2. Hoàn trả cho ông Nguyễn Mộng L1 số tiền 8.600.000 (tám triệu sáu trăm nghìn) đồng;

2.3. Hoàn trả cho bà Nghị Thu B1 số tiền là 17.140.000 (mười B triệu một trăm bốn mươi nghìn) đồng;

2.4. Hoàn trả cho bà Võ Thị L3 số tiền 71.895.000 (B mươi một triệu tám trăm chín mươi lăm nghìn) đồng;

2.5. Hoàn trả cho bà Nguyễn Cẩm Tú số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng;

2.6. Hoàn trả cho bà Hà Thị Ph số tiền 61.170.000 (sáu mươi một triệu một trăm B mươi nghìn) đồng;

2.7. Hoàn trả cho bà Võ Kim L4 số tiền 29.410.000 (hai mươi chín triệu bốn trăm mười nghìn) đồng;

2.8. Hoàn trả cho ông Lê Văn T1 số tiền 17.660.000 (mười B triệu sáu trăm sáu mươi nghìn) đồng;

2.9. Hoàn trả cho ông Ngô Văn B2 số tiền 7.290.000 (B triệu hai trăm chín mươi nghìn) đồng;

- 2.10. Hoàn trả cho bà Trần Kiều O số tiền 7.290.000 (B triệu hai trăm chín mươi nghìn) đồng;
- 2.11. Hoàn trả cho bà Võ Kim Ng số tiền 46.355.000 (bốn mươi sáu triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn) đồng;
- 2.12. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Ch số tiền 29.890.000 (hai mươi chín triệu tám trăm chín mươi nghìn) đồng;
- 2.13. Hoàn trả cho bà Nguyễn Kiều N số tiền 27.240.000 (hai mươi B triệu hai trăm bốn mươi nghìn) đồng;
- 2.14. Hoàn trả cho bà Đặng Thị Th số tiền 8.290.000 (tám triệu hai trăm chín mươi nghìn) đồng;
- 2.15. Hoàn trả cho bà Bùi Thị Th1 số tiền 4.790.000 (bốn triệu B trăm chín mươi nghìn) đồng;
- 2.16. Hoàn trả cho bà Lê Kim Th2 số tiền 11.025.000 (mười một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn) đồng;
- 2.17. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thanh Th3 số tiền 7.095.000 (B triệu không trăm chín mươi lăm nghìn) đồng;
- 2.18. Hoàn trả cho bà Diệp Thị Tr số tiền 12.095.000 (mười hai triệu không trăm chín mươi lăm nghìn) đồng;
- 2.19. Hoàn trả cho bà Th5 Thị M số tiền 6.955.000 (sáu triệu chín trăm năm mươi lăm nghìn) đồng;
- 2.20. Hoàn trả cho bà Diệp Chúc L1 số tiền 16.665.000 (mười sáu triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn) đồng;
- 2.21. Hoàn trả cho ông Vũ Việt Th4 số tiền 20.900.000 (hai mươi triệu chín trăm nghìn) đồng;
- 2.22. Hoàn trả cho ông Đỗ Văn C số tiền 12.095.000 (mười hai triệu không trăm chín mươi lăm nghìn) đồng;
- 2.23. Hoàn trả cho ông Đỗ Văn D số tiền 22.720.000 (hai mươi hai triệu B trăm hai mươi nghìn) đồng;
- 2.24. Hoàn trả cho bà Đỗ H2 Nh1 số tiền 46.075.000 (bốn mươi sáu triệu không trăm B mươi lăm nghìn) đồng;
- 2.25. Hoàn trả cho bà Vũ T5 B3 số tiền 3.990.000 (ba triệu chín trăm chín mươi nghìn) đồng;
- 2.26. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị S số tiền 5.325.000 (năm triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng;
- 2.27. Hoàn trả cho ông Nguyễn D1 số tiền 42.205.000 (bốn mươi hai triệu hai trăm lẻ năm nghìn) đồng;
- 2.28. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn X số tiền 5.255.000 (năm triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn) đồng;
- 2.29. Hoàn trả cho ông Lê Minh H số tiền 15.690.000 (mười lăm triệu sáu trăm chín mươi nghìn) đồng;
- 2.30. Hoàn trả cho bà Lê Thị N số tiền 16.620.000 (mười sáu triệu sáu trăm hai mươi nghìn) đồng;
- 2.31. Hoàn trả cho bà Võ Thị T1 số tiền 5.370.000 (năm triệu ba trăm B mươi nghìn) đồng;

- 2.32. Hoàn trả cho bà Đặng Kim L5 số tiền 5.370.000 (năm triệu ba trăm B mươi nghìn) đồng;
- 2.33. Hoàn trả cho bà Nguyễn H2 Ng số tiền 24.375.000 (hai mươi bốn triệu ba trăm B mươi lăm nghìn) đồng;
- 2.34. Hoàn trả cho bà Đỗ Kim L4 số tiền 5.370.000 (năm triệu ba trăm B mươi nghìn) đồng;
- 2.35. Hoàn trả cho ông Đỗ Việt Tr2 số tiền 9.510.000 (chín triệu năm trăm mười nghìn) đồng;
- 2.36. Hoàn trả cho bà Trần Thị L6 số tiền 6.320.000 (sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng;
- 2.37. Hoàn trả cho ông Phạm Văn Đ số tiền 11.555.000 (mười một triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn) đồng;
- 2.38. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị C1 số tiền 9.320.000 (chín triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng;
- 2.39. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Th6 số tiền 9.320.000 (chín triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng;
- 2.40. Hoàn trả cho bà Trần Kiều O số tiền 9.305.000 (chín triệu ba trăm lẻ năm nghìn) đồng;
- 2.41. Hoàn trả cho bà Đỗ Thị Th7 số tiền 5.820.000 (năm triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng;
- 2.42. Hoàn trả cho bà Đỗ Thị G số tiền 9.320.000 (chín triệu ba trăm hai mươi nghìn) đồng;
- 2.43. Hoàn trả cho bà Trương Thị Th2i số tiền 11.735.000 (mười một triệu B trăm ba mươi lăm nghìn) đồng;
- 2.44. Hoàn trả cho bà Đỗ H2 Nh số tiền 4.235.000 (bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn) đồng;
- 2.45. Hoàn trả cho bà Trương Thị U số tiền 4.235.000 (bốn triệu hai trăm ba mươi lăm nghìn) đồng;
- 2.46. Hoàn trả cho bà Nguyễn Th11 H1 số tiền 8.470.000 (tám triệu bốn trăm B mươi nghìn) đồng;
- 2.47. Hoàn trả cho bà Trần Thị H2 số tiền 7.705.000 (B triệu B trăm lẻ năm nghìn) đồng;
- 2.48. Hoàn trả cho bà Lê Thị Mộng C1 số tiền 8.800.000 (tám triệu tám trăm nghìn) đồng;
- 2.49. Hoàn trả cho bà Châu Thị Th3 số tiền 8.800.000 (tám triệu tám trăm nghìn) đồng;
- 2.50. Hoàn trả cho ông Lê Văn Tr3 số tiền 1.300.000 (một triệu ba trăm nghìn) đồng;
- 2.51. Hoàn trả cho bà Nguyễn Ngọc B1 số tiền 8.800.000 (tám triệu tám trăm nghìn) đồng;
- 2.52. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Th9 số tiền 7.300.000 (B triệu ba trăm nghìn) đồng;
- 2.53. Hoàn trả cho bà Phạm Thị Ng số tiền 7.980.000 (B triệu chín trăm tám mươi nghìn) đồng;

- 2.54. Hoàn trả cho bà Ngô Việt T1 số tiền 17.600.000 (mười B triệu sáu trăm nghìn) đồng;
- 2.55. Hoàn trả cho ông Lê Văn Gi số tiền 17.600.000 (mười B triệu sáu trăm nghìn) đồng;
- 2.56. Hoàn trả cho ông Ngô Văn M số tiền 4.570.000 (bốn triệu năm trăm B mươi nghìn) đồng;
- 2.57. Hoàn trả cho bà Th5 Thị L7 số tiền 4.570.000 (bốn triệu năm trăm B mươi nghìn) đồng;
- 2.58. Hoàn trả cho ông Nguyễn Bách Th4 số tiền 570.000 (năm trăm B mươi nghìn) đồng;
- 2.59. Hoàn trả cho ông Nguyễn Quốc T4 số tiền 13.710.000 (mười ba triệu B trăm mười nghìn) đồng;
- 2.60. Hoàn trả cho bà Võ Thị H2 Nga số tiền 3.530.000 (ba triệu năm trăm ba mươi nghìn) đồng;
- 2.61. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ch1 số tiền 15.010.000 (mười lăm triệu không trăm mười nghìn) đồng;
- 2.62. Hoàn trả cho bà Nguyễn Th3 T5 số tiền 8.930.000 (tám triệu chín trăm ba mươi nghìn) đồng;
- 2.63. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L3 số tiền 11.250.000 (mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng;
- 2.64. Hoàn trả cho ông Lê Văn M1 số tiền 5.180.000 (năm triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng;
- 2.65. Hoàn trả cho bà Trịnh Huyền Tr5 số tiền 10.810.000 (mười triệu tám trăm mười nghìn) đồng;
- 2.66. Hoàn trả cho ông Đỗ Minh L8 số tiền 10.810.000 (mười triệu tám trăm mười nghìn) đồng;
- 2.67. Hoàn trả cho bà Nguyễn H2 T6 số tiền 8.440.000 (tám triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng;
- 2.68. Hoàn trả cho bà Đỗ Thị V số tiền 5.180.000 (năm triệu một trăm tám mươi nghìn) đồng;
- 2.69. Hoàn trả cho ông Võ Văn C2 số tiền 10.360.000 (mười triệu ba trăm sáu mươi nghìn) đồng;
- 2.70. Hoàn trả cho ông Võ Văn G1 số tiền 5.630.000 (năm triệu sáu trăm ba mươi nghìn) đồng;
- 2.71. Hoàn trả cho bà Đỗ Thị H3 số tiền 1.630.000 (một triệu sáu trăm ba mươi nghìn) đồng;
- 2.72. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Nh2 số tiền 5.630.000 (năm triệu sáu trăm ba mươi nghìn) đồng;
- 2.73. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T5 số tiền 5.440.000 (năm triệu bốn trăm bốn mươi nghìn) đồng.
- 2.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.3. Giao cho Cục Th1 hành án dân sự tỉnh Cà Mau tiếp tục quản lý số tiền 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng gia đình bị cáo nộp khắc phục theo Biên lai thu tiền số 0000019 ngày 29/02/2024 để bảo đảm cho việc thi hành án.

3. Căn cứ khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, chuyển lưu theo hồ sơ 19 (mười chín) danh sách hội do các hội viên giao nộp (bút lục 3, 108, 149, 191, 230, 283, 324, 365, 419, 456, 499, 540, 585, 624, 660, 701, 738, 781, 813).

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Các điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 40.552.350 (bốn mươi triệu năm trăm năm mươi hai nghìn ba trăm năm mươi) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, các bị hại có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại còn lại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKS nd cấp cao tại TP HCM;
- VKS nd tỉnh Cà Mau;
- Công an tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án hình sự;
- Phòng KTNV&THA TAnd tỉnh Cà Mau;
- Cục THA dân sự tỉnh Cà Mau;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ, án văn, Tòa HS, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Trọng Quế